TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Tỉnh Thanh Hóa **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08/12/2017
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con''.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngân.
Các Hội thẩm nhân dân: l.Ông Phan Quốc Văn
2.Ông Nguyễn Văn Hạnh
-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

Ngày 08/12/2017. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:185/2017/TLST - HNGĐ ngày 16/10/2017 về: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:30/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị D- sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 2, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Anh Dương Văn M - sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 2, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Phiên tòa có mặt các bên đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị D thì chị và anh M kết hôn với nhau vào ngày 26/4/1991, trên cơ sở tự nguyện và không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M hay rượu chè quá mức, thường xuyên đánh đập lăng mạ vợ con, đã được các đoàn thể khuyên giải, nhưng anh M cũng không sữa chữa, chị cố gắng chịu đựng để các con lớn khôn, nay chị xét thấy không thể chịu đựng thêm được nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh M.

Anh M trình bày: về thời gian chung sống và không đăng ký kết hôn như cô D trình bày là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn lớn xảy ra, nay cô

D làm đơn xin ly hôn là cô muốn bỏ chồng nên anh không nhất trí, anh đề nghị cô D rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay anh M nhất trí ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 04 con chung là Dương Thị L- sinh ngày 04/11/1991; Dương Thị Ng - sinh ngày 19/2/1994; Dương Tuấn A- sinh ngày 02/02/2007; Dương Bảo N- sinh ngày 05/9/2008. Hiện tại cháu L và cháu Ng đã trên 18 tuổi, các cháu ở với ai là quyền các cháu, hai bên đương sự không có yêu cầu gì thêm, còn lại cháu Tuấn A và cháu N cả hai bên đương sự đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: ý kiến chị D các cháu ở với chị thì chị yêu cầu anh M cấp dưỡng cho 02 con là 2.000.000đ/tháng; ý kiến anh M các cháu ở với anh thì anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.Tại phiên tòa anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Tuấn A, còn lại cháu Bảo N chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị D và anh M chung sống với nhau từ ngày 26/4/1991 nhưng không đăng ký kết hôn như trình bày trên là hôn nhân không hợp pháp, vi phạm khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Việc kết hôn mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị D cầu ly hôn anh M, xét thấy cần xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh M theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị D và anh M có 4 con chung, 02 cháu đã trên 18 tuổi, các cháu ở với ai là tùy các cháu. Còn lại 02 cháu là cháu Tuấn A và cháu Bảo N, hai bên đương sự anh M, chị D đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng là thực tế, nhưng xét nguyện vọng của các cháu đều xin được ở với chị D, do vậy cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa chị D yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con cho chị số tiền 2.000.000đ/ tháng cho 02 cháu, anh Minh không nhất trí, xét thấy việc yêu cầu của chị D là phù hợp, nên cần buộc anh phải cấp dưỡng nuôi con cho chị D là phù hợp.

Về án phí: chị D, anh M phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ của chị Hoàng Thị D và anh Dương Văn M là vợ chồng.

2.Về con: Giao cháu Dương Tuấn A - sinh ngày 02/02/2007; Dương Bảo N – sinh ngày 05/9/2008 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho 02 cháu. Khoản cấp dưỡng tính từ tháng 12/2017 đến khi các cháu đủ 18 tuổi, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, bên trực tiếp nuôi con không được ngăn cấm.

3.Về án phí: chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0004598 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh M phải chịu 300.000đ tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị D, anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Ngân

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- CC thi hành án dân sự;
- UBND xã Nga T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- CC thi hành án dân sự;
- UBND xã Nga Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Ngân